CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Viglacera Đông Triều

Ngày 31/12/2025	5,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	10.0%	**7.8%**	**10.0%**

DT thuần
Q4/25
56.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 26.0| 85.9%
YoY: ▲ 16.6| 41.9%

LN thuần
Q4/25
-4.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.06| 20.3%
YoY: ▲ 0.61| 12.8%

LN sau thuế
Q4/25
-3.71
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.57| 41.0%
YoY: ▲ 3.39| 47.8%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-7.7%
YoY: +/-▲ 9.3%

ROE
2025
-1091%
YoY: +/-▼ 975%

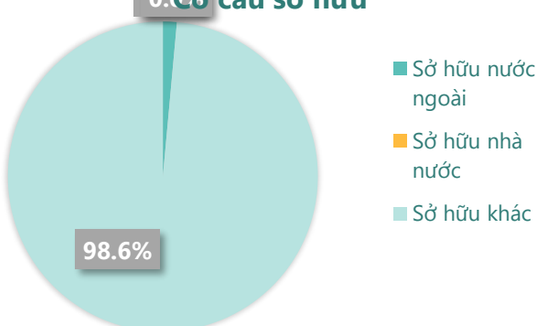
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	55
Số lượng CPLH (CP)	10,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	85
Sở hữu nước ngoài	1.4%
Beta	0.22
EPS	-2,250
P/E	-2.4

DT thuần
2025
148
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.00| 4.5%

LN thuần
2025
-21.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.2| 31.9%

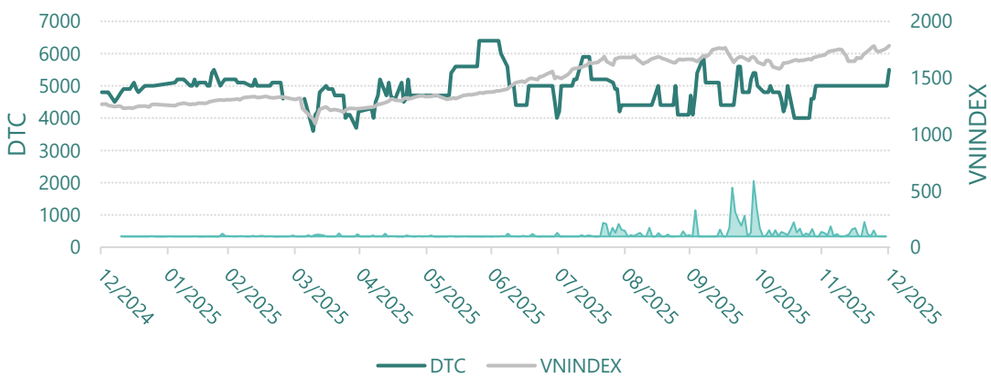
LN sau thuế
2025
-22.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.5| 39.1%

Cơ cấu sở hữu

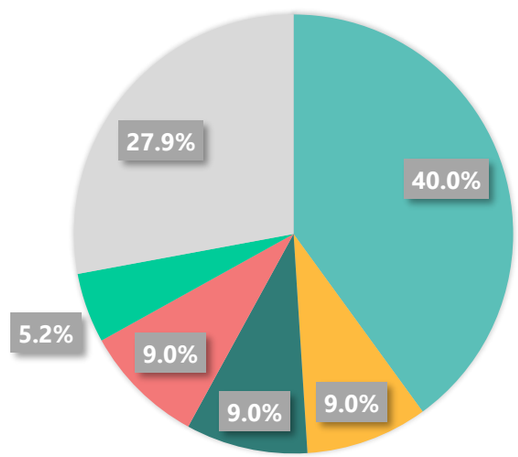


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



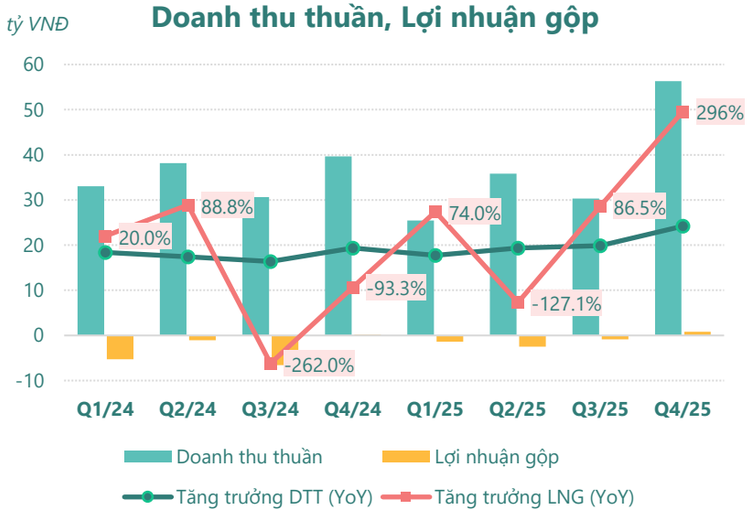
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

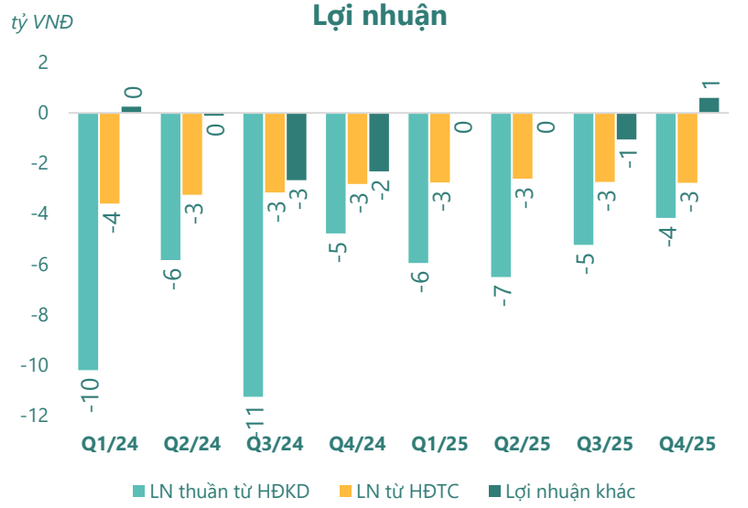
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



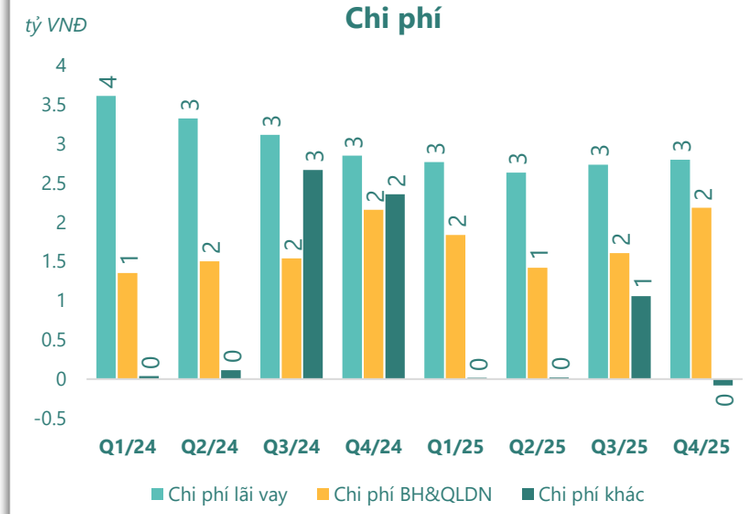
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



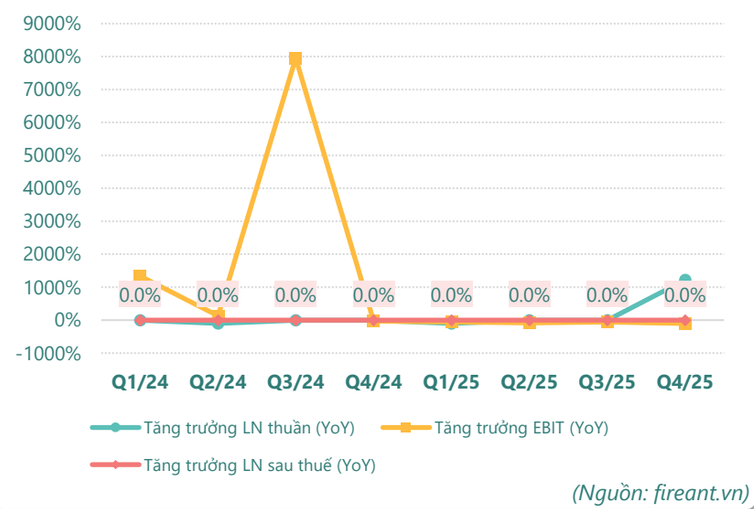
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



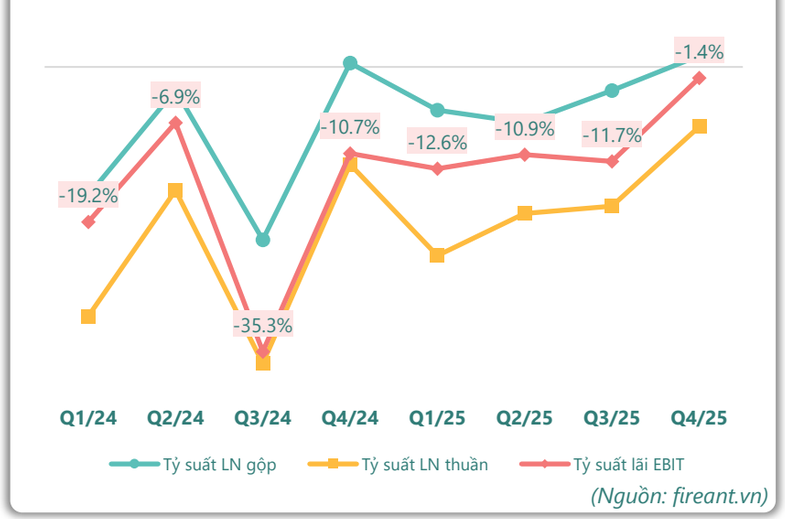
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



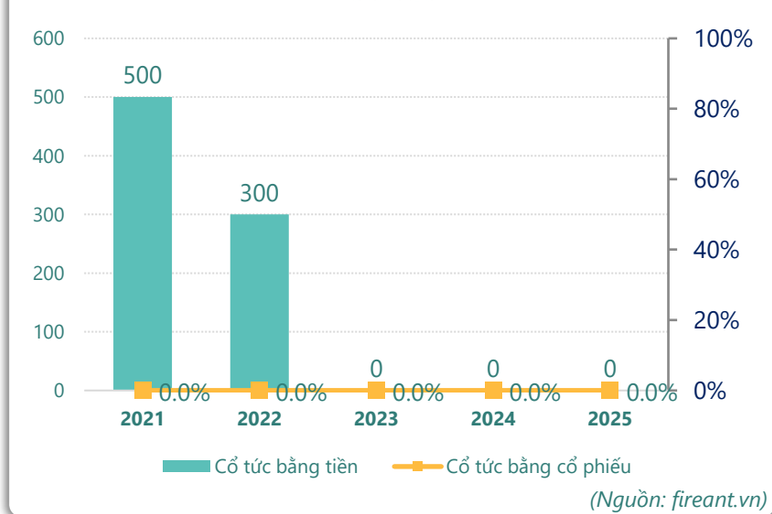
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

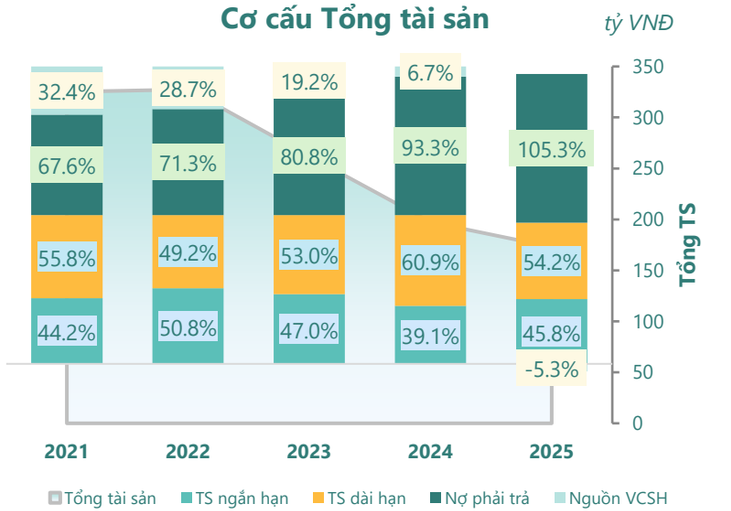
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

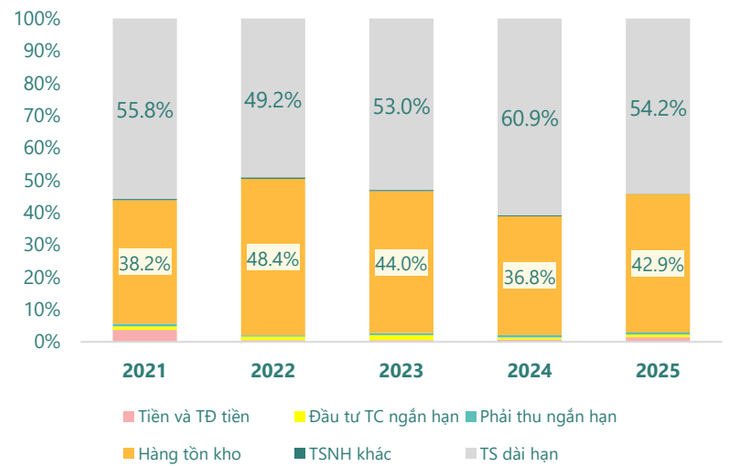
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



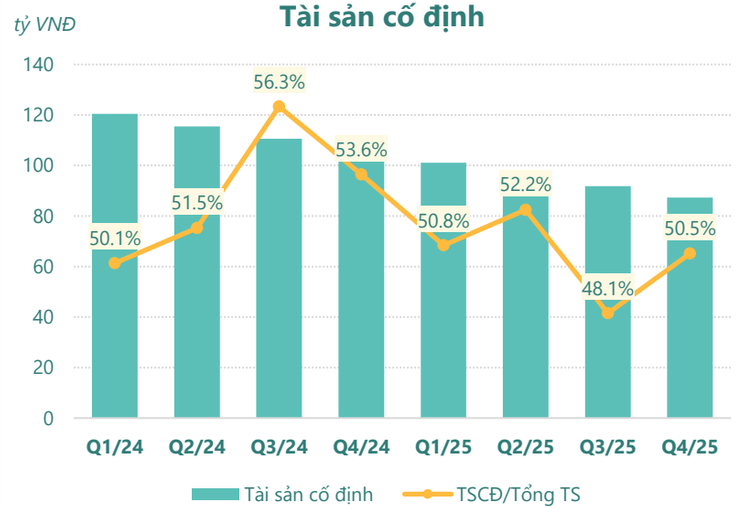
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



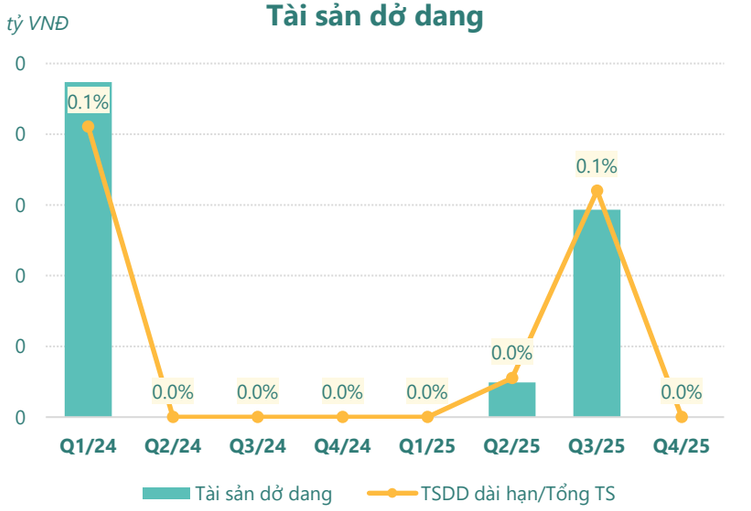
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



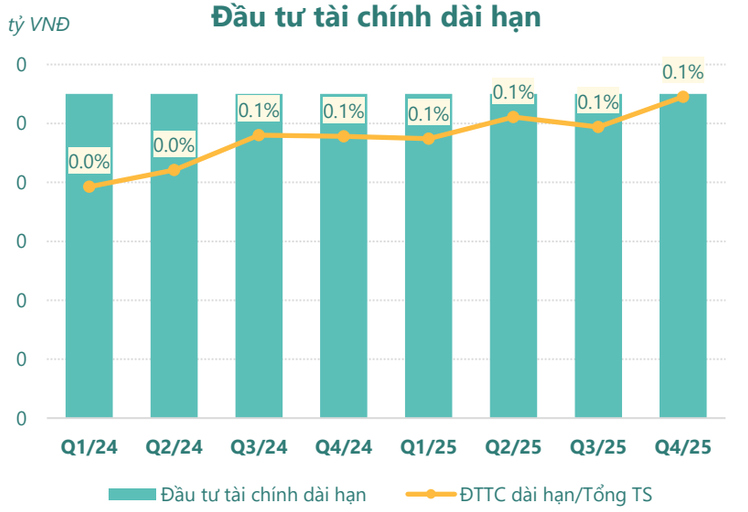
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



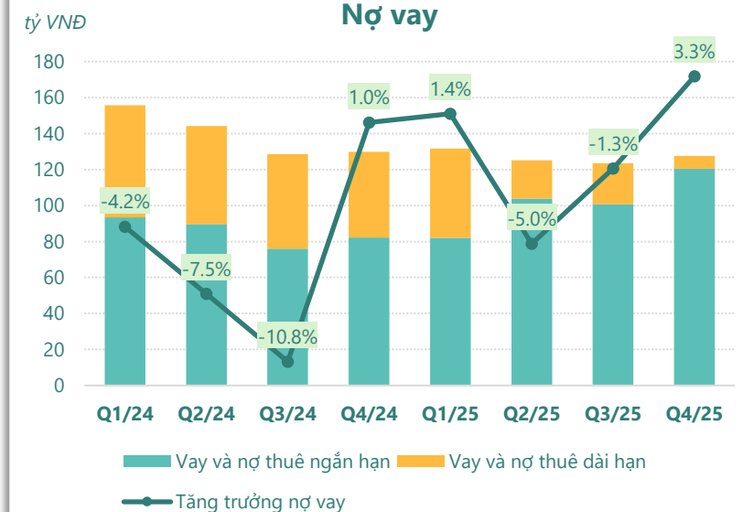
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

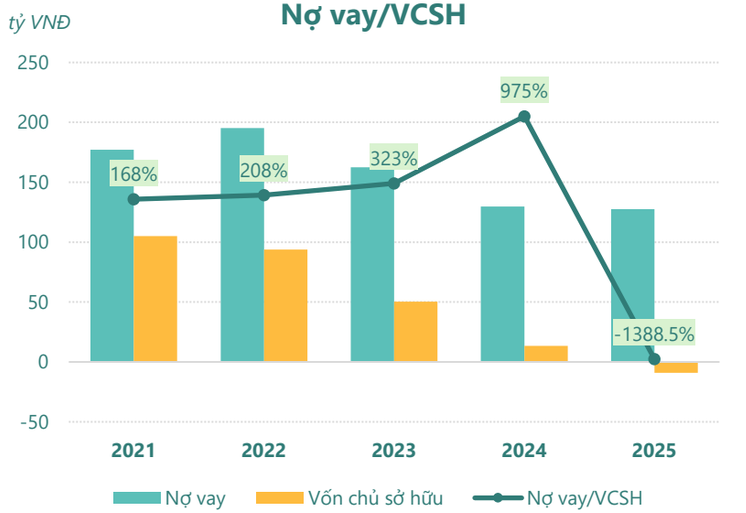
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

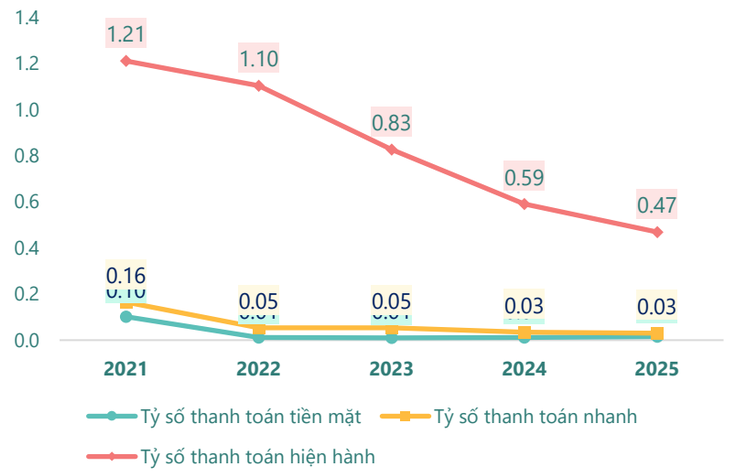
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



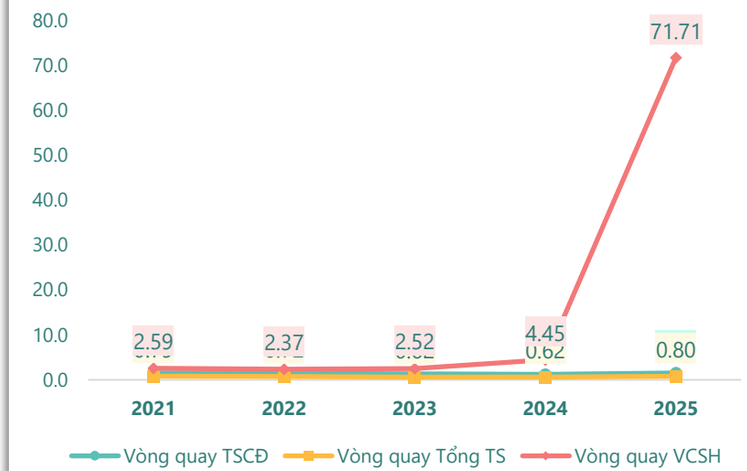
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



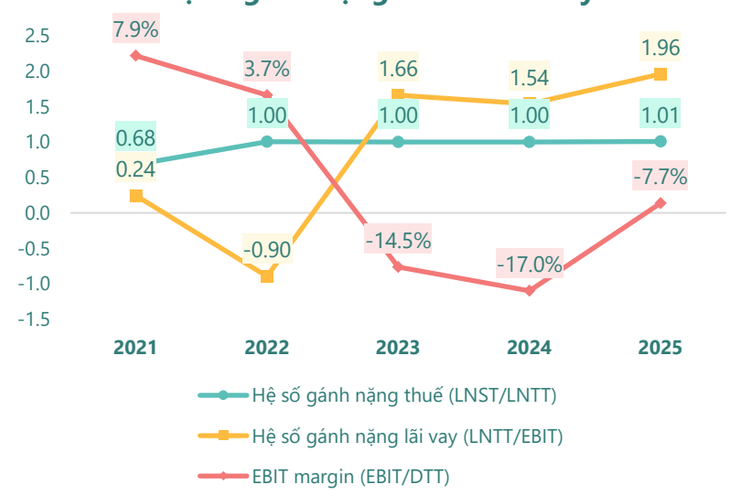
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



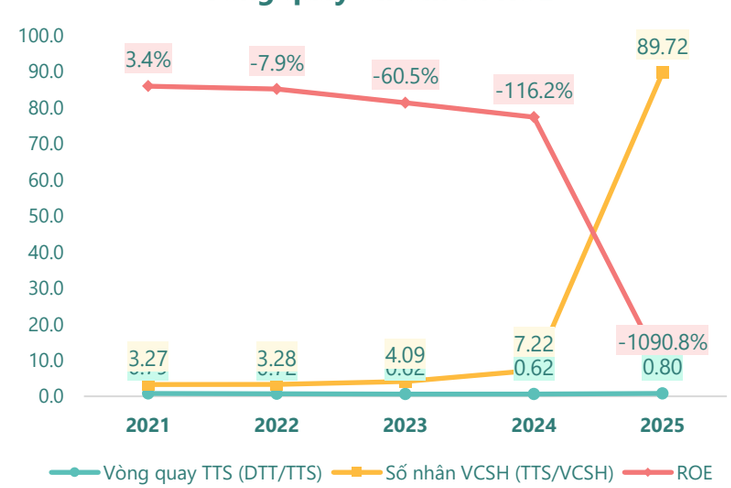
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



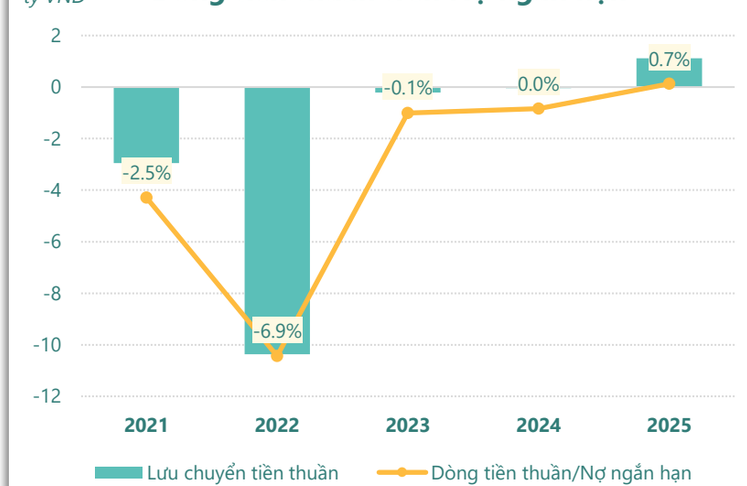
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**56.3**	**39.7**	**41.9%**	**148**	**142**	**4.5%**
Giá vốn hàng bán	55.5	39.5	40.6%	152	154	-1.5%
Lợi nhuận gộp	0.79	0.20	294%	-3.95	-12.7	69.0%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.03	6.6%	0.06	0.08	-18.3%
Chi phí TC	2.80	2.85	-1.8%	10.9	12.9	-15.3%
Chi phí lãi vay	2.80	2.85	-1.8%	10.9	12.9	-15.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.59	0.06	889%	0.79	0.19	319%
Chi phí QLDN	**1.59**	**2.09**	**-23.8%**	**6.26**	**6.36**	**-1.6%**
LN thuần từ HĐKD	-4.17	-4.78	12.8%	-21.9	-32.1	31.9%
Lợi nhuận khác	**0.60**	**-2.32**	**126%**	**-0.49**	**-4.86**	**89.9%**
LN trước thuế	-3.57	-7.10	49.7%	-22.4	-37.0	39.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-3.71**	**-7.10**	**47.8%**	**-22.5**	**-37.0**	**39.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.71**	**-7.10**	**47.8%**	**-22.5**	**-37.0**	**39.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.47	-32.5	-2.59	6.07	1.69	-1.76
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.77	-2.74	-0.04	0.00	0.00	0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-15.6	35.3	1.86	-6.58	-1.60	4.04
Tiền đầu kỳ	8.83	1.46	1.45	0.68	0.17	0.25
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.37**	**0.03**	**-0.78**	**-0.51**	**0.09**	**2.32**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.46	1.49	0.68	0.17	0.25	2.57

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**173**	**197**	**-12.3%**
Tài sản ngắn hạn	79.2	77.1	2.8%
Tiền và tương đương tiền	2.57	1.45	76.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.32	1.27	4.2%
Phải thu ngắn hạn	1.09	1.40	-21.7%
Hàng tồn kho	74.1	72.6	2.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.11	0.42	-73.6%
Tài sản dài hạn	**93.7**	**120**	**-22.0%**
Phải thu dài hạn	3.16	3.08	2.5%
Tài sản cố định	87.3	106	-17.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.11	0.11	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**3.09**	**11.2**	**-72.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	182	184	-1.0%
Nợ ngắn hạn	**169**	**131**	**29.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	120	82.2	46.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.9	17.6	24.7%
Nợ dài hạn	13.2	53.4	-75.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	7.18	47.7	-84.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-9.19**	**13.3**	**-169%**
Vốn chủ sở hữu	**-9.19**	**13.3**	**-169%**
Vốn điều lệ	100	100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)